

Số: 36

Ngày 17/9/2018

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

- Quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.*
- Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm của cá nhân là 100.000.000 đồng.*
- Phê duyệt chương trình sức khỏe Việt Nam đến năm 2035.*
- Thủ tướng yêu cầu chủ động đẩy mạnh hội nhập kinh tế theo hướng hiệu lực và hiệu quả hơn.*
- Tăng mức trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.*
- Hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.*
- Mức giá tối đa và chi phí phục vụ cho việc xác định giá một đơn vị máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn cho người hiến máu*

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Nghị định đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- Quyền của người bị thiệt hại yêu cầu bồi thường?*
- Người yêu cầu bồi thường có những nghĩa vụ gì?*
- Người thi hành công vụ gây thiệt hại có những nghĩa vụ gì?*
- Những hành vi bị nghiêm cấm trong việc giải quyết yêu cầu bồi thường?*

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA NƯỚC

Ngày 04/9/2018 Chính phủ ban hành Nghị định số 114/2018/NĐ-CP về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước áp dụng đối với đập có chiều cao từ 5m trở lên hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ 50.000 m² trở lên và an toàn cho vùng hạ du đập.

Bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước là ưu tiên cao nhất trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác đập, hồ chứa nước. Công tác này phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa nước. Cụ thể: phải bố trí tổng thể và thiết kế kết cấu đập tạo thuận lợi cho công tác quản lý an toàn đập, ứng cứu đập khi xảy ra sự cố và bảo trì, nâng cấp, sửa chữa khi công trình bị hư hỏng; quy trình vận hành cửa van, quy trình bảo trì cho từng hạng mục công trình phải được lập, phê duyệt cùng với hồ sơ thiết kế và bàn giao cho chủ quản lý đập, hồ chứa nước khi bàn giao đưa công trình vào khai thác; đối với cửa van của tràn xả lũ vận hành bằng điện phải có ít nhất hai nguồn điện, trong đó có một nguồn bằng máy phát điện dự phòng; đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ phải lắp đặt hệ thống giám sát vận hành; thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập; thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa nước; đối với đập, hồ

chứa nước lớn có tràn tự do phải lắp đặt thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập; thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa nước...

Trong quá trình thi công, chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước có trách nhiệm lập phương án ứng phó thiên tai, ứng phó tình huống khẩn cấp cho công trình, vùng hạ du đập để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa thủy lợi cấp I, cấp đặc biệt; đập, hồ chứa nước do Thủ tướng Chính phủ giao; đập, hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên. Hội đồng nghiệm thu nhà nước các công trình xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa nước có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ quyết định hàng năm. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn về thủy lợi, thủy điện của tỉnh thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của tỉnh và đập, hồ chứa thủy lợi, thủy điện xây dựng trên địa bàn.

Nghị định còn quy định cụ thể chế độ quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng của đập thủy điện như:

với các đập, hồ chứa có cửa van điều tiết lũ thực hiện quan trắc 02 lần một ngày vào 07 giờ và 19 giờ trong mùa kiệt và 04 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ. Với các đập, hồ chứa nước có tràn tự do thực hiện quan trắc 02 lần một ngày vào 07 giờ và 19 giờ trong mùa kiệt, 04 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ khi mực nước hồ thấp hơn ngưỡng tràn, 01 giờ một lần khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn và 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế.

Nghị định 114/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 04/9/2018.

2. MỨC PHẠT TIỀN TỐI ĐA ĐỐI VỚI MỘT HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM LÀ 100.000.000 ĐỒNG

Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm của cá nhân là 100.000.000 đồng

Tổ chức, cá nhân nếu thực hiện các hành vi vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm như: vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn đối với sản phẩm thực phẩm; vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu, xuất khẩu và vi phạm quy định khác về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh, cung cấp thực phẩm; vi phạm quy định về quảng cáo, thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm; kiểm nghiệm thực phẩm... sẽ bị

áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền hoặc bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung như tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm từ 01 tháng đến 06 tháng, Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm từ 01 tháng đến 24 tháng; đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 tháng đến 12 tháng được thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 25 của Luật xử lý vi phạm hành chính; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm. Ngoài ra còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả như buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn; buộc thu hồi thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm vi phạm; tài liệu, ấn phẩm đã phát hành... Đây là các nội dung được quy định tại Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Theo đó, mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm là 100.000.000 đồng đối với cá nhân, 200.000.000 đồng đối với tổ chức. Mức xử phạt cụ thể đối với các hành vi vi phạm như sau: Phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 40 triệu đồng đối với hành vi sử dụng sản phẩm từ động vật, thực vật để sản xuất, chế biến thực phẩm mà có chỉ tiêu an toàn thực phẩm, không phù hợp với quy định của quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Phạt tiền từ 40 triệu đến 50 triệu đồng đối với hành vi sử dụng động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc động vật bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật để chế biến thực phẩm. Phạt tiền từ 80 triệu đến 100 triệu đồng đối với hành vi sử dụng nguyên liệu là sản phẩm từ động vật, thực vật, chất, hóa chất không thuộc loại dùng làm thực phẩm để sản xuất, chế biến thực phẩm hoặc sử dụng động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc động vật bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật để chế biến thực phẩm. Phạt tiền từ 10 triệu đến 20 triệu đồng đối với hành vi sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm thuộc danh mục được phép sử dụng theo quy định nhưng đã quá thời hạn sử dụng hoặc không có thời hạn sử dụng. Phạt tiền từ 20 triệu đến 30 triệu đồng đối với một trong các hành vi sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật, không đúng đối tượng thực phẩm hoặc vượt quá mức sử dụng tối đa cho phép. Phạt tiền từ 40 triệu đến 50 triệu đồng đối với hành vi sử dụng phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử dụng trong sản xuất, chế biến thực phẩm mà sản phẩm trị giá dưới 10.000.000 đồng. Phạt tiền từ 80 triệu đến 100 triệu đồng đối với hành vi sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử dụng trong sản xuất, chế biến thực phẩm mà sản phẩm trị giá từ

10.000.000 đồng trở lên mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Phạt tiền từ 3 triệu đến 5 triệu đồng đối với các hành vi vi phạm quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh, bảo quản thực phẩm ở nơi công rãnh thoát nước thải bị ứ đọng; không được che kín; dụng cụ thu gom chất thải rắn không có nắp đậy; không có ủng hoặc giày, dép sử dụng riêng trong khu vực sản xuất thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm...

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/10/2018.

3. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2035

Ngày 02/9/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1092/QĐ-TTg phê duyệt chương trình sức khỏe Việt Nam nhằm mục tiêu xây dựng môi trường hỗ trợ, tăng cường năng lực cho mỗi người dân; thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe toàn diện để nâng cao sức khỏe tâm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của người Việt Nam. Chương trình được triển khai trên quy mô toàn quốc từ năm 2018 đến năm 2030. Từ năm 2031 trở đi, căn cứ thực trạng, nhu cầu và kết quả thực hiện của Chương trình đã triển khai để xác định mục tiêu và các lĩnh vực ưu tiên tiếp theo của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

Đối tượng thụ hưởng: toàn dân, trong đó có nhóm đối tượng được ưu tiên xác định theo từng lĩnh vực cụ thể gồm: Trong giai đoạn từ năm 2018 đến 2030, Chương trình Sức khỏe Việt Nam tập trung vào 11 lĩnh vực chia làm 03 nhóm: Nâng cao sức khỏe; bảo vệ sức khỏe và phòng bệnh; chăm sóc sức khỏe ban đầu, kiểm soát bệnh tật. Cụ thể các chỉ tiêu đến năm 2025 và 2030 của từng lĩnh vực như sau: giảm tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi từ dưới 20% năm 2025 giảm còn dưới 15% năm 2030; không chế tỷ lệ người trưởng thành bị béo phì từ dưới 12% năm 2025 xuống còn dưới 10% năm 2030; tăng chiều cao trung bình của thanh niên 18 tuổi ở nam từ 167cm năm 2025 lên 168,5cm năm 2030, nữ từ 156cm năm 2025 lên 157,5cm năm 2030. Giảm tỷ lệ người dân thiếu vận động thể lực từ 18 - 69 tuổi từ 25% năm 2025 xuống còn 20% năm 2030, người từ 13-17 tuổi từ 60% năm 2025 xuống còn 40% năm 2030. Giảm tỷ lệ hút thuốc ở nam giới trưởng thành từ 37% năm 2025 xuống 32,5% năm 2030, giảm tỷ lệ uống rượu, bia ở mức nguy hại ở nam giới trưởng thành từ 39% năm 2025 xuống 35% năm 2030...

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trước Thủ tướng về việc tổ chức triển khai và kết quả thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam. Bộ Y tế là cơ quan thường

trực để điều phối chung các hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02/9/2018.

4. THỦ TƯỚNG YÊU CẦU CHỦ ĐỘNG ĐẨY MẠNH HỘI NHẬP KINH TẾ THEO HƯỚNG HIỆU LỰC VÀ HIỆU QUẢ HƠN

Ngày 04/9/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 26/CT-TTg về đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế theo hướng hiệu lực và hiệu quả hơn cho giai đoạn từ nay tới năm 2021 với định hướng hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm, là một trong những động lực quan trọng để hoàn thiện thể chế, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Phát huy vai trò “Chính phủ kiến tạo phát triển”, từng bước hoàn thiện thể chế pháp luật, tạo lập môi trường kinh doanh thực sự minh bạch, bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh cho các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài.

Thủ tướng Chính phủ giao Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành và cơ quan liên quan nghiên cứu trong và ngoài nước tăng cường nghiên cứu các vấn đề mang tính chiến lược về hội nhập kinh tế quốc tế để làm cơ sở tham mưu, tư vấn cho Chính phủ trong quá trình hoạch định chính sách về hội nhập kinh tế quốc

tế. Trước mắt tập trung nghiên cứu các vấn đề mới về hội nhập kinh tế quốc tế như tác động của việc tham gia các FTA thế hệ mới, xu hướng chuyển dịch trọng tâm hợp tác trong các khung khổ khu vực và thế giới như ASEAN, APEC, ASEM, WTO, tác động của tình hình kinh tế, chính trị thế giới tới tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ động tăng cường phối hợp trong quá trình triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế; đặc biệt là trong việc chia sẻ thông tin, xây dựng các chương trình, kế hoạch liên quan đến hội nhập để tránh chồng chéo, lãng phí nguồn lực. Tiếp tục phát huy vai trò và đóng góp tích cực tại các tổ chức, diễn đàn đa phương quốc tế và khu vực như: ASEAN, WTO, APEC, ASEM, các cơ chế hợp tác tiểu vùng Mê Công... để nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Bộ Công thương chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng phương án hợp lý để hoàn thiện việc đàm phán và ký kết các FTA còn lại, xử lý những vấn đề còn tồn tại để sớm tiến tới ký và phê chuẩn FTA Việt Nam - EU; phối hợp, thúc đẩy việc hoàn thành thủ tục phê chuẩn Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ

xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và các hiệp định đã ký kết khác nhằm sớm đưa các hiệp định đi vào thực thi mang lại lợi ích cho doanh nghiệp và người dân; chủ động nghiên cứu, đánh giá khả năng tham gia các FTA với các đối tác mới nhằm tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường cho hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam. Phối hợp với các bộ, ngành đánh giá tác động của việc xóa bỏ thuế quan theo lộ trình cam kết trong ASEAN đối với các mặt hàng nhạy cảm như ô tô, đường, xăng dầu... dự báo tác động của việc thực thi cam kết trong Hiệp định CPTPP, FTA Việt Nam – EU. Bộ Ngoại giao đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và tham mưu chính sách về hội nhập quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là tình hình kinh tế, chính trị thế giới và khu vực có tác động đến Việt Nam, các xu thế phát triển, các sáng kiến mới, chính sách và kinh nghiệm của các nước thực thi hiệu quả cam kết hội nhập. Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả đối ngoại đa phương trong lĩnh vực kinh tế - phát triển.

Chỉ thị có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04/9/2018.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

5. TĂNG MỨC TRỢ CẤP HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI QUÂN NHÂN, NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC CƠ YẾU HƯỞNG LƯƠNG NHƯ ĐỐI VỚI QUÂN

NHÂN ĐÃ PHỤC VIÊN, XUẤT NGŨ, THÔI VIỆC

Ngày 28/8/2018, Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư số 138/2018/TT-

BQP hưởng dẫn điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

Theo đó, từ ngày 01/7/2018 quân nhân đã phục viên, xuất ngũ đang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo quy định; quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc đang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo quy định sẽ được điều chỉnh tăng thêm 6,92% trên mức trợ cấp hàng tháng của tháng 6 năm 2018. Cụ thể: mức trợ cấp hàng tháng được hưởng từ ngày 01/7/2018 = mức trợ cấp hàng tháng được hưởng tại thời điểm tháng 6/2018 x 1,0692.

Mức trợ cấp hàng tháng đối với các đối tượng trên sau khi đã được điều chỉnh tăng thêm như sau: từ đủ 15 năm đến dưới 16 năm, mức trợ cấp bằng 1.764.000 đồng/tháng; từ đủ 16 năm đến dưới 17 năm, mức trợ cấp bằng 1.844.000 đồng/tháng; từ đủ 17 năm đến dưới 18 năm, mức trợ cấp bằng 1.925.000 đồng/tháng; từ đủ 18 năm đến dưới 19 năm, mức trợ cấp bằng 2.005.000 đồng/tháng; từ đủ 19 năm đến dưới 20 năm, mức trợ cấp bằng 2.085.000 đồng/tháng.

Kinh phí chi trả trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng do ngân sách Nhà nước bảo đảm. Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí theo đề nghị của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để ủy quyền cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chi trả.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/10/2018. Mức trợ cấp hàng tháng hưởng dẫn tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01/7/2018.

6. HƯỚNG DẪN MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Thông tư số 12/2018/TT-BTP hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý của Bộ Tư pháp ban hành ngày 28/8/2018 quy định: Khi thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bám sát yêu cầu trợ giúp pháp lý, tuân thủ các nguyên tắc hoạt động trợ giúp pháp lý và sử dụng các biện pháp hợp pháp để bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích của người được trợ giúp pháp lý. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm tổ chức thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý do người thực hiện trợ giúp pháp lý của tổ chức mình thực hiện để có giải pháp bảo đảm và nâng cao chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý. Kết quả thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý được thể hiện bằng văn bản và lưu hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý. Khi yêu cầu trợ giúp pháp lý đủ điều kiện thụ lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, Chi nhánh của Trung tâm phải vào sổ thụ lý, theo dõi vụ việc trợ giúp pháp lý. Thời điểm thụ lý được tính từ khi vụ việc trợ giúp pháp lý được ghi vào sổ thụ lý, theo dõi vụ việc trợ giúp pháp lý.

Thông tư cũng quy định các trường hợp thụ lý ngay theo quy định bao gồm: thời hiệu khởi kiện của vụ việc còn dưới 05 ngày làm việc; ngày xét xử theo quyết định đưa vụ án ra xét xử còn dưới 05 ngày làm việc; các trường hợp chỉ định người bào chữa theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các trường hợp để tránh gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý do người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý quyết định. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi vụ việc trợ giúp pháp lý được thụ lý, người yêu cầu trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cung cấp, bổ sung các giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý. Trường hợp người được trợ giúp pháp lý cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc trường hợp bất khả kháng thì thời hạn bổ sung giấy tờ, tài liệu là 10 ngày làm việc, kể từ khi vụ việc trợ giúp pháp lý được thụ lý.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 12/10/2018.

7. MỨC GIÁ TỐI ĐA VÀ CHI PHÍ PHỤC VỤ CHO VIỆC XÁC ĐỊNH GIÁ MỘT ĐƠN VỊ MÁU TOÀN PHẦN VÀ CHẾ PHẨM MÁU ĐẠT TIÊU CHUẨN CHO NGƯỜI HIẾN MÁU

Thông tư số 20/2018/TT-BYT được Bộ Y tế ban hành ngày 30/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giá tối đa và chi phí phục vụ cho

việc xác định giá một đơn vị máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn.

Theo đó, mức chi tiền trực tiếp cho người hiến máu toàn phần như sau: một đơn vị máu có thể tích 250 ml: 195.000 đồng; một đơn vị máu có thể tích 350 ml: 320.000 đồng; một đơn vị máu có thể tích 450 ml: 430.000 đồng.

Mức chi tiền trực tiếp cho người hiến gan tách các thành phần máu như sau: một đơn vị chế phẩm có thể tích từ 250 đến 400 ml: 400.000 đồng; một đơn vị chế phẩm có thể tích từ trên 400 đến 500 ml: 600.000 đồng; một đơn vị chế phẩm có thể tích từ trên 500 đến 650 ml: 700.000 đồng.

Đối với người hiến máu tình nguyện không lấy tiền người hiến máu toàn phần tình nguyện có thể lựa chọn nhận quà tặng bằng hiện vật hoặc bằng các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh có giá trị tối thiểu như sau: một đơn vị máu thể tích 250 ml: 100.000 đồng; một đơn vị máu thể tích 350 ml: 150.000 đồng; một đơn vị máu thể tích 450 ml: 180.000 đồng. Người hiến tình nguyện gan tách các thành phần máu có thể lựa chọn nhận quà tặng bằng hiện vật hoặc bằng các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh có giá trị tối thiểu như sau: một đơn vị chế phẩm có thể tích từ 250 đến 400 ml: 150.000 đồng; một đơn vị chế phẩm có thể tích từ trên 400 đến 500 ml: 200.000 đồng; một đơn vị chế phẩm có thể tích từ trên 500 đến 650 ml: 250.000 đồng. Chi hỗ trợ chi phí đi lại đối với người hiến máu tình nguyện,

mức chi bình quân tối đa là 50.000 đồng/người/lần hiến máu.

Trường hợp chi quà tặng bằng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, thủ trưởng đơn vị tiếp nhận máu có trách nhiệm công khai danh mục các dịch vụ và mức giá của từng dịch vụ để người hiến máu lựa chọn bảo đảm nguyên tắc tổng mức giá của các dịch vụ phải tương đương với mức chi quà tặng theo quy định.

Mức chi bình quân tối đa đối với ăn uống tại chỗ cho người hiến máu (cả người hiến máu tình nguyện không lấy tiền và người hiến máu lấy tiền): 30.000 đồng/người/lần hiến máu. Các cơ sở cung cấp máu có trách nhiệm tổ chức chu đáo, công khai để người hiến máu được ăn uống tại chỗ trước và sau khi hiến máu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2018.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN LOẠI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Bộ Nội vụ đang tổ chức lấy ý kiến vào dự thảo Nghị định đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, việc đánh giá phải đảm bảo đúng thẩm quyền, căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Việc đánh giá cần làm rõ ưu, khuyết điểm, tồn tại, hạn chế về phẩm chất, năng lực, trình độ của cán bộ, công chức, viên chức. Bảo đảm khách quan, công bằng, chính xác không nể nang, trừ dập, thiên vị.

Việc đánh giá đối với cán bộ phải căn cứ vào các tiêu chí sau: nghĩa vụ, đạo đức, văn hóa giao tiếp và những việc cán bộ không được làm theo Luật Công chức, viên chức; tiêu chuẩn chức vụ, chức danh của cán bộ; chương trình kế hoạch công tác năm của cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền

quản lý trực tiếp của mình được cấp có thẩm quyền giao.

Đối với công chức việc đánh giá phải căn cứ vào các tiêu chí sau: nghĩa vụ, đạo đức, văn hóa giao tiếp và những việc công chức không được làm theo Luật Công chức, viên chức; tiêu chuẩn ngạch công chức, chức vụ lãnh đạo quản lý; nhiệm vụ theo chương trình kế hoạch năm được giao tổ chức thực hiện.

Tiêu chí chung để đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức gồm các tiêu chí: về chính trị tư tưởng, chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước. Có quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng, đặt lợi ích quốc gia, dân tộc, nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.

Về đạo đức lối sống, không tham nhũng, quan liêu, cơ hội, vụ lợi, không có biểu hiện suy thoái đạo đức, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Có lối sống trung thực, khiêm tốn, chân

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

thành, giản dị, trong sáng. Có tinh thần đoàn kết, xây dựng, thương yêu đồng chí, đồng nghiệp.

Có trách nhiệm với công việc, dám nghĩ, dám làm. Có phương pháp làm việc khoa học, dân chủ, đúng nguyên tắc. Hợp tác hướng dẫn, giúp đỡ đồng chí, đồng nghiệp. Chấp hành tốt nội quy, quy chế của địa phương và của cơ quan. Chấp hành sự phân công công việc của cơ quan, tổ chức.

Báo cáo đầy đủ, trung thực với cấp trên, cung cấp thông tin chính xác, khách quan.

Thực hiện nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả. Đáp ứng yêu cầu phân loại đánh giá của ngành, lĩnh vực công tác.

Nghị định này dự kiến có hiệu lực thi hành trong năm 2018.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Quyền của người bị thiệt hại yêu cầu bồi thường?*

*** Trả lời:** Khoản 1 điều 13 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 10/2017/QH14 ngày 20/6/2017 quy định người yêu cầu bồi thường là người bị thiệt hại có quyền sau đây:

1. Yêu cầu giải quyết bồi thường và được thông báo kết quả giải quyết yêu cầu bồi thường.

2. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện quyết định, hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền trong việc giải quyết yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và pháp luật về tố tụng hành chính; khiếu nại, kháng cáo bản án, quyết định của tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng.

3. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình theo quy định của pháp luật.

4. Nhờ người khác bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình.

5. Được cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hướng dẫn thủ tục yêu cầu bồi thường.

6. Ủy quyền theo quy định của Bộ luật Dân sự cho cá nhân, pháp nhân khác thực hiện quyền yêu cầu bồi thường.

7. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Hỏi: *Người yêu cầu bồi thường có những nghĩa vụ gì?*

*** Trả lời:** Khoản 2 điều 13 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 10/2017/QH14 ngày 20/6/2017 quy định người yêu cầu bồi thường là người bị thiệt hại có nghĩa vụ sau đây:

1. Cung cấp kịp thời, chính xác, trung thực tài liệu, chứng cứ có liên quan đến yêu cầu bồi thường và chịu

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ của mình;

2. Tham gia đầy đủ vào quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường theo yêu cầu của cơ quan giải quyết bồi thường.

3. Chứng minh những thiệt hại thực tế của mình được bồi thường theo quy định tại Luật này và mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế và hành vi gây thiệt hại.

3. Hỏi: Người thi hành công vụ gây thiệt hại có những nghĩa vụ gì?

* **Trả lời:** Khoản 2 điều 14 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 10/2017/QH14 ngày 20/6/2017 quy định người thi hành công vụ gây thiệt hại có nghĩa vụ sau đây:

1. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực thông tin, tài liệu có liên quan đến việc giải quyết yêu cầu bồi thường theo yêu cầu của cơ quan giải quyết bồi thường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp thông tin, tài liệu của mình.

2. Tham gia đầy đủ vào quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường theo yêu cầu của cơ quan giải quyết bồi thường và quá trình xác định trách nhiệm hoàn trả theo yêu cầu của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.

3. Hoàn trả cho ngân sách nhà nước một khoản tiền mà Nhà nước đã bồi thường cho người bị thiệt hại theo quyết định của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.

4. Hỏi: Những hành vi bị nghiêm cấm trong việc giải quyết yêu cầu bồi thường?

* **Trả lời:** Điều 16 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 10/2017/QH14 ngày 20/6/2017 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong việc giải quyết yêu cầu bồi thường như sau:

1. Giả mạo tài liệu, giấy tờ hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ sai sự thật trong hồ sơ yêu cầu bồi thường và trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường.

2. Thông đồng giữa người yêu cầu bồi thường với người giải quyết bồi thường, người có liên quan để trục lợi.

3. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn can thiệp trái pháp luật vào quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả và xem xét, xử lý kỷ luật người thi hành công vụ gây thiệt hại.

4. Không giải quyết yêu cầu bồi thường hoặc không ra quyết định giải quyết bồi thường hoặc giải quyết yêu cầu bồi thường trái pháp luật.

5. Không thực hiện việc xác định trách nhiệm hoàn trả hoặc không xem xét, xử lý kỷ luật người thi hành công vụ gây thiệt hại.

6. Sách nhiễu, cản trở hoạt động giải quyết yêu cầu bồi thường.